

Bản án số:35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn, tranh chấp xác
định cha cho con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải
Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số
359/2022/HNGĐ-TLST ngày 15/11/2022, về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn, tranh chấp về xác định cha cho con* ”, theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 389/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2022 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L**, sinh năm 1992.

ĐKKHKT:Thôn An Phòng G, xã Quang P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh **Phạm Văn Tr**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đỗ X, xã Ứng H, huyện N, tỉnh
Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài L.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Phạm Văn L1**, sinh năm 1956.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Đỗ X, xã Ứng H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3.3. Anh **Đào Văn Ch**, sinh năm 1989.

HKT: Thôn Lạc X, xã Lương Nh, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Hiện ở: Thôn An Phòng G, xã Quang P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*(Chị L, anh Tr, anh Ch, ông L1, bà Ng có quan điểm đề nghị giải quyết
vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày: Chị và anh Tr tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ứng H, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 13/3/2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr đi Đài Loan lao động, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, hai bên thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Đầu năm 2018 chị đã đưa con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ ở, đến tháng 8/2018 chị cũng sang Đài Loan lao động. Ở Đài Loan vợ chồng có gặp nhau 2 lần, nhưng do bất đồng quan điểm nên mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian đó chị có quen và sống chung với anh Đào Văn Ch. Chị và anh Ch có con chung và dự định đặt tên con là Đào Anh V, sinh ngày 06/02/2022. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Tr không còn, hai bên không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr. Đồng thời chị đề nghị Tòa án xác định cháu Đào Anh V là con chung của chị và anh Đào Văn Ch.

Về con chung : Chị và anh Phạm Văn Tr có hai con chung là Phạm Thời Đ, sinh ngày 31/5/2014 và Phạm Đức V, sinh ngày 17/12/2015. Thời điểm chị đi nước ngoài cháu V ở với ông bà ngoại, cháu Đ ở với ông bà nội. Sau khi chị sinh cháu Đào Anh V thì cháu V cũng về ở với ông bà nội. Ly hôn chị có nguyện vọng chị và anh Tr mỗi người sẽ nuôi một con. Trường hợp anh Tr không cho chị nuôi con, chị cũng đồng ý và sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Tr là 3.000.000đ/2 con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Tr Không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn Tr hiện nay đang lao động tại Đài L, do chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Tr nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Tr tại gia đình. Ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ng là bố mẹ đẻ anh Tr cung cấp, anh Tr đi Đài Loan lao động, địa chỉ ông bà không biết nhưng anh Tr vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, bỏ lại hai con nhỏ ở Việt Nam để đi Đài Loan. Khi sang Đài Loan chị L tiếp tục có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và đã có con riêng. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Tr biết. Thông qua gia đình cũng như tại buổi làm việc giữa Tòa án với gia đình anh Tr, anh Tr đã trực tiếp gọi điện về và thể hiện quan điểm: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị L. Về quan hệ con chung: Anh đề nghị được nuôi cả hai con và yêu cầu chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Trong thời gian anh không ở Việt

Nam, anh ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Ngoài hai con chung với chị L, anh xác định giữa anh và chị L không còn con chung nào khác, đồng thời xác định con chị L mới sinh không phải là con của anh và chị L. Do điều kiện không về được Việt Nam, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Cháu Phạm Thời Đ và cháu Phạm Đức V là con chung của chị L, anh Tr có quan điểm đề nghị được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Trong thời gian bố không ở Việt Nam, các cháu có nguyện vọng được ở với ông bà nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ng có quan điểm:* Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Phạm Văn Tr, hiện nay ông bà đang chăm sóc cháu Phạm Thời Đ và Phạm Đức V là con chung của chị L, anh Tr. Ông bà đồng ý nhận ủy quyền của anh Tr, trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và cháu V. Hàng tháng ông bà yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn Ch có quan điểm :* Anh và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 tại Đài Loan, hiện tại anh và chị L có một con chung và dự định đặt tên là Đào Anh V, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2022. Nay chị L đề nghị xác định cháu V là con của anh và chị L, anh đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị L, anh Tr đã trầm Tr, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh Tr. Về con chung: Giao cháu Phạm Thời Đ, sinh ngày 31/5/2014 và Phạm Đức V, sinh ngày 17/12/2015 cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Tr là 3.000.000đ/tháng/2 con. Trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam, tạm giao cháu Đ, cháu V cho ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Xác định cháu Đào Anh V, sinh ngày 06/02/2022 là con chung của anh Đào Văn Ch và chị Trương Thị L. Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn An Phòng G, xã Quang Ph, huyện T, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh

Phạm Văn Tr có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn Đỗ X, xã Ứng H, Huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện anh Tr đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Tr tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Tr cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh Tr được biết, anh Tr thường xuyên liên lạc với mẹ bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ng. Ông L1, bà Ng đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Tr biết. Anh Tr mặc dù không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nhưng thông qua gia đình cũng như việc nói chuyện qua điện thoại, anh Tr đã thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh Tr, ông L1, bà Ng, anh Ch đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị L và anh Phạm Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ứng H, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 13/3/2013, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr đi nước ngoài lao động, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau, không tìm thấy tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Tr. Trong quá trình giải quyết anh Tr cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh Tr đã trầm Tr và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

2.2. *Về con chung*: Chị Trương Thị L và anh Phạm Văn Tr có hai con chung là Phạm Thời Đ, sinh ngày 31/5/2014 và Phạm Đức V, sinh ngày 17/12/2015. Ly hôn anh Tr có nguyện vọng được nuôi hai con, chị L cũng đồng ý. Cháu Đ và cháu V cũng có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Ông L1, bà Ng đồng ý nuôi dưỡng 2 cháu trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam. Hội đồng xét xử thấy, thực tế cháu Đ và cháu V ở với ông bà nội từ nhỏ. Chị L mặc dù đang ở Việt Nam nhưng không trực tiếp nuôi con. Do vậy để ổn định cho các cháu, cần tiếp tục giao cháu V, cháu Đ cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng như quan điểm của các đương sự là phù hợp. Trong thời gian

anh Tr không ở Việt Nam, tạm giao cháu V, cháu Đ cho ông L1, bà Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng/2con cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

2.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Xét yêu cầu của chị L về việc xác định cháu Đào Anh V, sinh ngày 06/02/2022 là con chung của chị L, anh Ch, Hội đồng xét xử thấy: Chị L, anh Tr đều xác định vợ chồng chỉ có hai con chung là Phạm Thời Đ và Phạm Đức V, ngoài ra anh, chị không có con chung nào khác. Theo lời khai của chị L và anh Đào Văn Ch thể hiện, cháu Đào Anh V là con chung của chị L và anh Ch. Tại kết quả xét nghiệm ADN của Viện sinh học phân tử LoCi đã kết luận: Người có mẫu ADN ký hiệu Đào Văn Ch và người có mẫu ADN ký hiệu Đào Anh V có quan hệ huyết thống cha con, với tần xuất 99,9999951%. Do đó có đủ căn cứ xác định cháu Đào Anh V, sinh ngày 06/02/2022 là con chung của chị L, anh Ch.

[4]. Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 88, Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thời Đ, sinh ngày 31/5/2014 và Phạm Đức V, sinh ngày 17/12/2015 cho anh Phạm Văn Tr chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi hai con là 3.000.000đ/1tháng kể từ tháng 02/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam, tạm giao cháu Đ, cháu V cho ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Trương Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị L không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Xác định cháu Đào Anh V, sinh ngày 06/02/2022 là con chung của chị Trương Thị L và anh Đào Văn Ch.

4. Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002387 ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L còn phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị L, anh Đào Văn Ch, ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Văn Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ứng H; huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền